

Số: /KH-UBND

Bắc Quỳnh, ngày 15 tháng 02 năm 2022

KẾ HOẠCH

Phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng năm 2022

Thực hiện Văn bản số 247/KH-UBND, ngày 06/10/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Sơn về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022.

Ủy ban nhân dân xã Bắc Quỳnh xây dựng kế hoạch phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022 như sau:

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021

I. MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ

Hệ thống văn bản các cấp về hướng dẫn thực hiện Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng. Trong năm 2021, Ủy ban nhân dân xã Bắc Quỳnh ban hành 02 văn bản chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp, xây dựng CQĐT. Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19, UBND xã đã tăng cường tổ chức các cuộc họp giao ban; chỉ đạo các thôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân biết, khai thác các dịch vụ công trực tuyến để hạn chế đi lại.

II. HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Đảm bảo 100% cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước được trang bị máy vi tính; hiện trạng máy vi tính tại cơ quan đơn vị trên địa bàn hoạt động tốt, đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng.

Tổng số máy tính của đơn vị: 25 bộ.

Trong đó:

+ Cán bộ, công chức của đơn vị được trang bị bộ máy vi tính: 22 bộ.

Tổng số máy vi tính của đơn vị có kết nối Internet: 23 máy.

Tổng số máy vi tính của đơn vị không kết nối Internet vì lý do an ninh: 01 máy.

Tổng số máy vi tính có cài đặt các phần mềm diệt và phòng chống virus: 25 máy.

III. CÁC HỆ THỐNG NỀN TẢNG

1. Hoạt động của Trang thông tin điện tử

2. Ứng dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến và một cửa điện tử liên thông

Các tính năng của phần mềm một cửa điện tử được các cơ quan khai thác có hiệu quả. Hồ sơ được cập nhật đầy đủ vào phần mềm nên việc theo dõi, tra cứu được thuận tiện góp phần nâng cao hiệu quả cải cách hành chính.

3. Ứng dụng thư điện tử công vụ

Tổng số cán bộ, công chức được cấp địa chỉ hòm thư công vụ là 21 cá nhân, 70% cán bộ, công chức sử dụng hòm thư công vụ trong công việc hàng ngày.

4. Ứng dụng Chương trình Văn phòng điện tử (eOffice), Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice

Chương trình Văn phòng điện tử (eOffice), Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice được các cơ quan, đơn vị khai thác, sử dụng có hiệu quả, thực hiện tốt Quy trình xử lý văn bản đi, đến. Năm 2021 UBND Bắc Quỳnh đã tiếp nhận 4.438 văn bản đến, phát hành 658 trong đó điện tử 350 văn bản đi.

5. Tình hình quản lý và sử dụng chữ ký số của cơ quan, đơn vị

UBND xã Bắc Quỳnh đã được cấp chữ ký số và thực hiện ký số, phát hành văn bản trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

6. Hoạt động của Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến

UBND xã Bắc Quỳnh có 01 điểm cầu Hội nghị truyền hình trực tuyến Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến hoạt động ổn định, hiệu quả, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành của các cấp. năm 2021 UBND huyện đã tham dự và tổ chức 50 cuộc họp trực tuyến.

IV. PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU

Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice được các cơ quan, đơn vị khai thác, sử dụng có hiệu quả, thực hiện tốt Quy trình xử lý văn bản đi, đến. Trên 100% công văn đi, đến được xử lý trên môi trường mạng (*trừ các đơn thư khiếu nại tố cáo, văn bản mật và văn bản đích danh*).

Hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành: Kế toán, địa chính, đất đai, quản lý nhân sự, phần mềm một cửa điện tử được một số các cơ quan, đơn vị đưa vào sử dụng.

V. CÁC ỨNG DỤNG, DỊCH VỤ

1. Hiện trạng ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ hoạt động nội bộ các cơ quan nhà nước

Cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng máy vi tính, thư điện tử, truy nhập Internet để phục vụ công việc chuyên môn nghiệp vụ.

2. Hiện trạng hoạt động Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

VI. NGUỒN NHÂN LỰC

Hiện trạng về việc bảo đảm nguồn nhân lực phục vụ phát triển chính quyền số, xã Bắc Quỳnh cán bộ công chức thực hiện theo chế độ kiêm nhiệm

VII. AN TOÀN THÔNG TIN

Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện nghiêm túc các quy định đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, trang bị máy tính không kết nối Internet để soạn thảo và lưu trữ văn bản mật.

Do nguồn kinh phí hàng năm chỉ cho công tác ứng dụng CNTT còn hạn chế nên UBND xã chưa trang bị được các thiết bị, phần mềm bảo vệ như: tường lửa, lọc thư rác, phần mềm bảo mật. Thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ 5 lần/tháng.

Ủy ban nhân dân xã ban hành các văn bản triển khai công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong cán bộ, công chức, viên chức về tầm quan trọng của việc bảo mật an toàn thông tin, tác hại khi thiết bị và máy tính công vụ bị nhiễm virus, từ đó chủ động thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hệ thống cơ quan nhà nước, nâng cao kiến thức về chuyên môn và kỹ năng sử dụng CNTT. Tham gia các lớp tập huấn về an toàn thông tin mạng.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

Căn cứ Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp, bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 632/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục lĩnh vực quan trọng cần ưu tiên bảo đảm an toàn thông tin mạng và hệ thống thông tin quan trọng quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố, tăng cường năng lực cho các cán bộ, bộ phận chuyên trách ứng cứu sự cố mạng trên toàn quốc đến năm 2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến 2025”;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025”;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025”;

Căn cứ Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025”;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của bộ/tỉnh;

Căn cứ Chỉ thị số 26-CT/TU ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2020 - 2025;

Căn cứ Chương trình hành động số 153-CTr/TU ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TU, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 106/KH-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt Đề án xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2019 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2020 về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Chương trình hành động số 153-CTr/TU ngày 21/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn về thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn về triển khai thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn về số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt cập nhật kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Lạng Sơn, phiên bản 2.0.

II. MỤC TIÊU

1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước

- Khai thác có hiệu quả các hệ thống phần mềm dùng chung như: Trang thông tin điện tử; Thư điện tử công vụ; Văn phòng điện tử iOffice;...
- 100% văn bản của cơ quan nhà nước được trao đổi trên môi trường mạng (trừ các đơn thư khiếu nại tố cáo, văn bản mật và văn bản đích danh).
- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm việc trên môi trường mạng.
- Cơ quan, đơn vị sử dụng chữ ký số.
- 100% cuộc họp trực tuyến từ tỉnh đến huyện đến xã được thông suốt.
- 95% - 100% nghiệp vụ chuyên môn, chuyên ngành của cơ quan nhà nước được ứng dụng công nghệ thông tin, như: quản lý giáo dục, y tế.
- Đảm bảo 100% cán bộ chuyên trách, phụ trách về CNTT được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ về Ứng dụng CNTT và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.
- Hạ tầng CNTT, các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung được hoàn thiện, kết nối, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Duy trì hoạt động phần mềm một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả.

- Phần đầu tỷ lệ cao nhất người dân và doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ Bru chính công ích và dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết TTHC.

- Phần đầu có tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên tổng số hồ sơ.

- 100% cán bộ, công chức, được tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc bảo mật an toàn thông tin từ đó chủ động thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hệ thống cơ quan nhà nước, nâng cao kiến thức về chuyên môn và kỹ năng sử dụng CNTT.

III. NHIỆM VỤ

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

Rà soát, bổ sung, ban hành hệ thống văn bản liên quan đến ứng dụng CNTT và phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của tỉnh về ứng dụng CNTT, chính quyền điện tử, bảo đảm an toàn thông tin.

Triển khai thực hiện kịp thời các quy chế, quy định về quản lý sử dụng hệ thống CNTT dùng chung của tỉnh.

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, huyện giao về xây dựng, triển khai các quy định, hướng dẫn thu thập, cập nhật, chia sẻ, khai thác thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu nhằm bảo đảm khả năng tiếp cận và sử dụng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân; về đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ CNTT; về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng.

2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

Phối hợp với các Sở, ngành; các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc xây dựng trực liên thông tích hợp dùng chung của tỉnh.

Nâng cấp hạ tầng CNTT trên địa bàn xã; đồng bộ, thống nhất trong toàn xã phục vụ cho việc xây dựng chính quyền điện tử.

Đầu tư, nâng cấp mạng diện rộng (WAN) của cơ quan trên cơ sở mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD), đảm bảo tất cả đơn vị liên kết, chia sẻ thông tin với tốc độ cao.

Phối hợp triển khai nâng cấp Hệ thống hội nghị trực tuyến của xã đảm bảo hạ tầng kỹ thuật phục vụ tốt các cuộc họp trực tuyến cả 4 cấp (*Trung ương, tỉnh, huyện, xã*).

Phối hợp triển khai hạ tầng viễn thông băng rộng, đảm bảo chất lượng đường truyền Internet phục vụ ứng dụng và phát triển CNTT trong cơ quan nhà nước.

3. Phát triển các hệ thống nền tảng

Phối hợp triển khai thực hiện ứng dụng CNTT trong hệ thống cơ quan nhà nước; gắn kết ứng dụng CNTT với cải cách hành chính, ứng dụng CNTT kết hợp với hệ thống chất lượng ISO.

Phối hợp triển khai nâng cấp, nhân rộng và nâng cao hiệu quả ứng dụng các hệ thống phần mềm dùng chung: Trang thông tin điện tử; Thư điện tử công vụ; Quản lý văn bản và điều hành; Quản lý hồ sơ và đánh giá, phân loại CCVC.

Phối hợp triển khai mở rộng các hệ thống thông tin, các phần mềm dùng chung: Hệ thống báo cáo trực tuyến; Hệ thống theo dõi sự chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp; Số hóa tài liệu, công tác thi đua khen thưởng, quản lý hộ tịch.

Tăng cường trao đổi các văn bản điện tử, kết nối liên thông phần mềm quản lý văn bản và điều hành với cơ sở.

4. Phát triển dữ liệu

Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành được khai thác, sử dụng có hiệu quả, thực hiện tốt Quy trình xử lý văn bản đi, đến. Trên 95% văn bản đi, đến được xử lý trên môi trường mạng (*trừ văn bản mật và văn bản đích danh, văn bản đặc thù*).

Hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành: Kế toán, địa chính, đất đai, quản lý nhân sự, phần mềm một cửa điện tử được một số các cơ quan, đơn vị đưa vào sử dụng.

5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

Phát triển, nâng cấp Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Trang thông tin điện tử thị trấn; Hội nghị truyền hình trực tuyến.

Nâng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành: Kế toán, địa chính, đất đai, quản lý nhân sự, phần mềm một cửa điện tử.

Phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện nâng cấp, bổ sung nội dung, giao diện,... Trang thông tin điện tử xã.

6. Bảo đảm an toàn thông tin

Xây dựng, ban hành, thường xuyên rà soát, cập nhật các Kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức.

Đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị, phần mềm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và bảo mật hệ thống cơ sở dữ liệu.

Đảm bảo các máy tính trong cơ quan, đơn vị được cài đặt phần mềm chống virus.

Hàng năm cử công chức chuyên trách/ phụ trách về an toàn thông tin/ công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin do tỉnh tổ chức.

Tăng cường công tác kiểm tra (định kỳ, đột xuất) về quản lý, cung cấp sử dụng dịch vụ Internet và thông tin mạng theo quy định.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước và người dùng Internet trên địa bàn.

7. Phát triển nguồn nhân lực

Hàng năm cử cán bộ, công chức chuyên trách, phụ trách CNTT trong cơ quan tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về phát triển ứng dụng CNTT.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của CNTT trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và kỹ năng ứng dụng CNTT cho cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức, nhân dân và doanh nghiệp.

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về hiệu quả và lợi ích khi ứng dụng CNTT.

Gắn trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị với việc ứng dụng và phát triển CNTT trong cơ quan, đơn vị; Lãnh đạo cơ quan, đơn vị phải gương mẫu trong học tập và ứng dụng CNTT trong điều hành, giải quyết công việc; tạo bước chuyển biến trong lề lối làm việc, gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính trên cơ sở áp dụng thống nhất hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

Thực hiện tốt công tác một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông từ.

Tập trung cung cấp TTHC triển khai dịch vụ hành chính công ở mức độ 3, mức độ 4, liên thông, tích hợp với các phần mềm chuyên ngành.

Tăng cường hoạt động thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả kênh tiếp nhận ý kiến góp ý của người dân trên môi trường mạng; tăng cường đối thoại trực tuyến về hoạt động của cơ quan nhà nước.

Nghiên cứu xếp hạng đơn vị, người dân đối với việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan quản lý nhà nước.

Xây dựng các chính sách thu hút, phối hợp với doanh nghiệp trong công tác triển khai các ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp để thực hiện tốt việc triển khai các hệ thống thông tin và các dịch vụ hành chính công. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT gắn liền với việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính.

Tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước; gắn ứng dụng CNTT với chỉ tiêu thi đua, khen thưởng của đơn vị.

Ưu tiên nguồn vốn khoa học và công nghệ cho triển khai các đề tài nghiên cứu, làm chủ công nghệ mới.

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

Sắp xếp, kiện toàn hệ thống đơn vị chuyên trách, cán bộ chuyên trách CNTT trong cơ quan nhà nước.

Tổ chức đào tạo kiến thức CNTT theo Thông tư số 11/2015/TT-BTTTT ngày 05/5/2015 quy định tiêu chuẩn kỹ năng nhân lực CNTT chuyên nghiệp và Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT.

Ưu tiên nguồn ngân sách dành cho triển khai các đề tài nghiên cứu, làm chủ công nghệ mới.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí chủ yếu từ nguồn ngân sách nhà nước

VI. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

Tiếp tục phối hợp với các sở, ngành hoàn thiện các chương trình, dự án, các CSDL, các phần mềm dùng chung và hạ tầng CNTT.

Bổ sung, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật CNTT tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử tại địa phương.

Tiếp tục quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống hội nghị trực tuyến

100% các văn bản trao đổi giữa các cơ quan Nhà nước được trao đổi dưới dạng văn bản điện tử (*trừ văn bản mật, văn bản đặc thù,...*).

100% đơn vị xã sử dụng chữ ký số khi ban hành văn bản điện tử

Phần đầu trên 50% cán bộ công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ.

100% Cán bộ chuyên trách, phụ trách về CNTT được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ về ứng dụng CNTT và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đáp ứng được yêu cầu thực tế.

Duy trì hoạt động, bảo dưỡng, nâng cấp Trang thông tin điện tử; hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến; Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả.

Tiếp tục cung cấp TTHC (theo quy định) được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Hướng dẫn, tuyên truyền đến người dân và doanh nghiệp về sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công chức VP – Thống kê

Phụ trách công tác CNTT trong cơ quan; quản lý điều hành ứng dụng eOffice Tham gia các lớp tập huấn về CNTT và thường xuyên triển khai, hướng dẫn cán bộ, công chức trong cơ quan áp dụng, ứng dụng CNTT vào thực hiện các nhiệm vụ.

Báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã và cấp trên về việc thực hiện CNTT trong hoạt động của cơ quan.

Khai thác, ứng dụng xây dựng các cơ sở dữ liệu chung phục vụ cho công tác chỉ đạo điều hành của UBND xã;

Thực hiện các dự án tin học hóa bộ phận một cửa điện tử...

Triển khai và ứng dụng các phần mềm nhằm cải cách hành chính theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông.

2. Công chức Văn hóa - Xã hội

Phối hợp với các ngành tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

Hàng năm, xây dựng Kế hoạch, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân xã xem xét phê duyệt điều chỉnh các nội dung của Kế hoạch đảm bảo phù hợp với tiến độ và tình hình thực tế thực hiện. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND xã.

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đẩy mạnh ứng dụng phát triển công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững.

3. Công chức Tài chính – Kế toán

Phối hợp với các ngành liên quan cân đối nguồn kinh phí cho việc phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin của Ủy ban nhân dân xã.

Trên đây là kế hoạch Phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng năm 2022 của UBND xã Bắc Quỳnh năm 2022./.

Nơi nhận:

- Phòng VH TT huyện;
- CT, PCT UBND TTr;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Dương Đình Đường

